ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP11.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tống Quang Thìn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành theo Quyết định số: 158 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp					
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp					
1	Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
2	Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

3	Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
4	Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
5	Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

6	Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
7	Thủ tục đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
8	Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

9	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
10	Thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
11	Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

12	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
13	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
14	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

15	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
16	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

17	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
18	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
19	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

20	Thủ tục thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
21	Thủ tục thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
22	Thủ tục thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

23	Thủ tục thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
24	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo xác nhận email cho doanh nghiệp mà doanh nghiệp không gửi hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
25	Thủ tục thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo xác nhận email cho doanh nghiệp mà doanh nghiệp không gửi hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

26	Thủ tục công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh/ Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	300.000 đồng	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
27	Thủ tục thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chưa có quy định về lệ phí; Miễn phí khi công bố mẫu con dấu.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
28	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện mà Sở Kế hoạch và Đầu tư không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

29	Thủ tục thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
30	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

31	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
32	Thủ tục thông báo lập địa điểm doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

33	Thủ tục thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
34	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
35	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

36	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
37	Thủ tục thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
38	Thủ tục thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Khi nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện bổ sung, thay đổi thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

39	Thủ tục thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
40	Thủ tục đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
41	Thủ tục đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

42	Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
43	Thủ tục đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
44	Thủ tục đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

45	Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
46	Thủ tục hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
47	Thủ tục sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

48	Thủ tục chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
49	Thủ tục chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 2/ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
50	Thủ tục chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 2/ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo cho các	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

		cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
51	Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	1/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp. 2/ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 199, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
52	Thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

53	Thủ tục thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
54	Thủ tục giải thể doanh nghiệp	1/ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp 2/ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp 3/ Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Phòng	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

		Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
55	Thủ tục giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	1/ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp. 2/ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. 3/ Sau thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

		Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
56	Thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
57	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	1/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2/ Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

		việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp. 3/ Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.			
58	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy CNĐKDN nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần Đăng ký qua mạng: Miễn phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

59	Thủ tục hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn lệ phí.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
60	Thủ tục cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Không quy định.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký trực tiếp: 200.000 đồng/ lần; Miễn lệ phí trong một số trường hợpcụ thể.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
Mục 2. Thành lập và hoạt động Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu					
1	Thủ tục tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015.

Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội					
1	Thủ tục thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lệ phí: 200.000 đồng/ lần; Phí: 300.000 đồng/ lần	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
2	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phí: 300.000 đồng/ lần	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
3	Thủ tục thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phí: 300.000 đồng/ lần	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

4	Thủ tục thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Không quy định.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc UBND tỉnh	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016.
5	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Không quy định	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Cơ quan QL viện trợ, tài trợ thuộc UBND tỉnh	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016.
6	Thủ tục công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	Không quy định	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Cơ	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-

			quan QL viện trợ, tài trợ thuộc UBND tỉnh		BKHĐT ngày 17/5/2016.
7	Thủ tục chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lệ phí: 200.000 đồng/ lần; Phí: 300.000 đồng/ lần	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
1	Thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

2	Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
3	Thủ tục đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
4	Thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

5	Thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
6	Thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Thủ tục đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	150.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
9	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
12	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.
13	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
14	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa	30.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày

	đăng ký liên hiệp hợp tác xã		Sở Kế hoạch và Đầu tư		20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
15	Thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	30.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
16	Thủ tục tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.

17	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.
18	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
19	Thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	30.000 đồng/lần	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM					
1	Thủ tục quyết định	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ	Bộ phận	Không	Luật Đầu tư số

	chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. - Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

2	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

3	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
4	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1/ Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình UBND tỉnh; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. 2/ Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ			

		Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.			
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	1/ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư. 2/ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.			

		- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư. 3/ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội: - Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.			

7	Thủ tục điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
8	Thủ tục điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
9	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.			
10	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.			

11	Thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư	1/ Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư; dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành: - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. 2/ Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có). - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. 3/ Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển			

		nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư. - Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.			
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
15	Thủ tục hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
16	Thủ tục nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

17	Thủ tục giãn tiến độ đầu tư	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
18	Thủ tục tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận thông báo.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
19	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
20	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày

					12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
21	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
22	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
23	Thủ tục cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

24	Thủ tục bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
25	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
26	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

27	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	200.000 đồng	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
28	Thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: tương ứng với từng loại thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Thời hạn thành lập doanh nghiệp: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Không; Hồ sơ thành lập tổ chức kinh tế: Lệ phí 200.000 đồng	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
IV. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU					
Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư					
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư; - Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015;

		nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu; - Người có thẩm quyền: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.			Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016.
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Bên mời thầu:15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư; - Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu; - Hội đồng tư vấn: giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư; - Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015.

		nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dựng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị; - Người có thẩm quyền: 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.			
Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu					
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày;	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

		- 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.			
V. VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI					
Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài					
1	Thủ tục tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
2	Thủ tục tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
3	Thủ tục tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
4	Thủ tục tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.

Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài					
1	Thủ tục đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các cơ quan có liên quan trong tỉnh lấy ý kiến lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án phù hợp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
2	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Không quy định.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
3	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Không quy định.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

4	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1/ Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày. 2/ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, UBND tỉnh xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án. 3/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, UBND tỉnh thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

		chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của UBND tỉnh để giám sát và phối hợp thực hiện.			
5	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	1/ Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày. 2/ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án. 3/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, UBND tỉnh thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

		Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của UBND tỉnh để giám sát và phối hợp thực hiện.			
6	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án	1/ Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày. 2/ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án. 3/ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, UBND	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

		tỉnh thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			
7	Thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
8	Thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Không quy định.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
9	Thủ tục xác nhận chuyên gia	UBND tỉnh xác nhận chuyên gia theo đúng mẫu quy định trong vòng 15 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					
1	Thủ tục cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	1/ Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: - Sau khi doanh nghiệp nộp đủ Hồ sơ quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan liên quan có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết. 2/ Đối với trường hợp sử dụng ngân sách trung ương hỗ trợ: - Sau khi doanh nghiệp nộp đủ Hồ sơ quy	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014.

		định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan liên quan có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đề nghị thẩm tra và báo cáo kết quả thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm tra nguồn vốn. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra hỗ trợ của địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến Bộ Tài chính và cơ quan liên quan (nếu cần thiết). - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có ý kiến về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ dự án, gửi địa phương. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ			

		ngày nhận được văn bản thẩm tra nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH					
1	Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
2	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc nếu hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang tỉnh, thành phố khác.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

3	Thủ tục tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015.
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ					
1	Thủ tục đăng ký hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

2	Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
3	Thủ tục đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
4	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã chia	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
5	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã tách	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

6	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	150.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
9	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
12	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.
13	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

14	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	30.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
15	Thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	30.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
16	Thủ tục tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.
17	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014.
18	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

19	Thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	30.000 đồng	Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
III. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày làm việc; - 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

		nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.			

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- 07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; - Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày làm việc;	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

		- 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.			